

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 8 - 2018

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hữu Đoàn

Ông Nguyễn Hải Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐST - HNGĐ ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1990

Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn: Anh S, sinh năm 1990

Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị N và anh S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh S thường xuyên say sưa còn đánh đập hành hạ vợ con. Từ đó anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay, thấy không thể nào có hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Con chung: Y L, sinh ngày 29/6/2009 và T L, sinh ngày 08/3/2012. Hai con chung hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con; không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Chị N, anh S không yêu cầu Tòa án phân chia.
Nợ chung: Chị N xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nhưng anh S vắng mặt; theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] *Hôn nhân*: Chị N và anh S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, tuy có đủ các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị chung sống với nhau như vợ chồng một cách tự nguyện được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng anh chị lại không đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân gia đình quy định thì quan hệ giữa chị N và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Con chung*: Y L, sinh ngày 29/6/2009 và T L, sinh ngày 08/3/2012. Hai con chung hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Yêu cầu này của chị N phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

[4] *Tài sản chung*: Chị N, anh S không yêu cầu Tòa án phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Chị N xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị N phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 4 điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân*: Quan hệ giữa chị N và anh S không được công nhận quan hệ vợ chồng.

- *Con chung*: Y L, sinh ngày 29/6/2009 và T L, sinh ngày 08/3/2012 giao cho chị N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011822 ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Xuân Miễn